

Bản án số: **386/2019/HSPT**
Ngày 09/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Phúc;
- Các Thẩm phán: + Ông Thái Duy Nhiệm;
+ Ông Nguyễn Xuân Phách.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Biểu, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự Thụ lý số 379/2018/HSPT ngày 16/5/2018 đối với các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ nơi cư trú tại Khu 2, phường HY, thành phố MC, tỉnh QN; trình độ văn hóa phổ thông: không biết chữ; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị S; chồng là Nguyễn Văn H1 và có 02 con (hiện đang mang thai con thứ 3); tiền án tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn M, sinh năm 1986; địa chỉ nơi cư trú tại thôn BT, xã N, huyện TH, tỉnh TB; trình độ văn hóa phổ thông: không biết chữ; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị S; vợ là Đỗ Thị V; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Chị Đỗ Thị V, sinh năm 1984;

Địa chỉ nơi cư trú tại khu 6, xã TX, huyện CK, tỉnh PT;

2. Bà Trần Thị Q, sinh năm 1953;

Địa chỉ nơi cư trú tại xã PM, huyện PL, tỉnh TN;

3. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1971;

Địa chỉ nơi cư trú tại xã NP, huyện TH, tỉnh TB

4. Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1987;

Địa chỉ nơi cư trú tại Khu 6, xã TX, huyện CK, tỉnh PT;

5. Chị Lê Thị Thanh H3, sinh năm 1995;

Địa chỉ nơi cư trú tại Khu 6, xã TX, huyện CK, tỉnh PT.

(Tất cả người bị hại đã được triệu tập hợp lệ song đều vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do).

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2012, Trần Thị H được một người tên là N ở tỉnh Quảng Ninh đưa sang Trung Quốc và được được A C là người Trung Quốc mua về làm vợ, H sống như vợ chồng với A C ở ngoại ô Bắc Kinh. Trong thời gian ở Trung Quốc, H biết nhiều người đàn ông Trung Quốc có nhu cầu mua phụ nữ về làm vợ, nên H gọi điện thoại liên hệ với một số người thân để đưa phụ nữ Việt Nam ra thành phố MC, tỉnh Quảng Ninh và liên hệ với một số người Việt Nam đang sống ở Trung Quốc, nhờ đưa những người này vượt biên giới đến nơi H ở, sau đó H trao đổi để bán phụ nữ Việt Nam cho những người đàn ông Trung Quốc.

Lần thứ nhất: Khoảng giáp Tết Nguyên đán năm 2014, H biết vợ chồng em trai Trần Văn M và Đỗ Thị V đang sống ly thân, Đỗ Thị V về quê ở xã TX, huyện CK, tỉnh Phú Thọ sinh sống, H gọi điện thoại rủ V sang Trung Quốc. H gọi điện thoại cho Trần Văn M bảo đón V từ Phú Thọ về Thái Bình rồi từ Thái Bình đi xe ô tô khách đến MC, tỉnh Quảng Ninh sẽ có người tên là N, khoảng 35 tuổi, quê ở Nghệ An đưa M, V vượt biên giới Việt Nam sang Trung Quốc, rồi đi đến nhà H ở ngoại ô Bắc Kinh. M và V ở nhà H khoảng 1 tuần, H thỏa thuận với V là sẽ bán V cho người đàn ông Trung Quốc mua về làm vợ, số tiền bán được H chia cho V 01 vạn nhân dân tệ, V đồng ý. H liên hệ với Bà L (quê ở Hà Nam - Việt Nam đang sống ở Trung Quốc gần nhà H) đến nhà H xem mặt V, bà L đồng ý mua V về làm vợ cho con trai tên là ML, H thỏa thuận bán V cho bà L với giá 03 vạn nhân dân tệ. Khi V được bà L dẫn về nhà làm vợ ML, H bảo M đến nhà bà L lấy 03 vạn nhân dân tệ, H cho M 5.000 nhân dân tệ, còn lại H giữ để trừ tiền chi phí của M và V khi đi sang Trung Quốc.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 02 năm 2015 âm lịch, H thông qua Đỗ Thị V rủ bạn là Nguyễn Thị Đ1 sinh năm 1987 ở xã TX, huyện CK, tỉnh Phú Thọ sang Trung Quốc lấy chồng, Đ1 đồng ý. H bảo M đón chị Đ ở Bến xe khách MĐ, rồi đưa đến MC, tỉnh Quảng Ninh. Khi đến MC, H bảo M liên hệ với H, quê ở Bắc Ninh để đưa M và Đ1 qua sông KL vượt biên giới đến nhà H. Đ ở nhà H một thời gian, H liên hệ với một người đàn ông Trung Quốc đến nhà H chọn mua Đ1 về làm vợ. H bán Đ1 cho người đàn ông Trung Quốc được 04 vạn nhân dân tệ, chia cho Đ1 1,5 vạn nhân dân tệ, chỉ cho người môi giới 5.000 nhân dân tệ, số tiền còn lại H giữ để trừ tiền vé xe ăn uống khi Đ1 và M đi sang Trung Quốc. Khi được H chia cho 1,5 vạn nhân dân tệ, Đ1 nhờ H gửi toàn bộ số tiền trên về cho

mẹ là bà Nguyễn Thị Đ2, sinh năm 1962 ở Khu 06, xã TX, huyện CK, tỉnh Phú Thọ.

Lần thứ ba: Khoảng tháng 03 năm 2015 âm lịch, H gọi điện thoại cho cậu, mợ là ông Nguyễn Văn Đ3, sinh năm 1970 và bà Trần Thị S, sinh năm 1975 cùng trú tại xã NP, huyện TH, tỉnh Thái Bình nhờ tìm người đưa sang nhà H ở Trung Quốc để làm việc. Khi biết ông Đ3, bà S tìm được chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1973 ở xã NP, huyện TH và bà Trần Thị Q, sinh năm 1953 ở xã PM, tỉnh Thái Nguyên, H hướng dẫn cho ông Đ3, bà S đưa bà Q đi xe ô tô khách ra MC, tỉnh Quảng Ninh, H bố trí H4 (quê ở Bắc Ninh hiện đang sống ở Trung Quốc) cùng Trần Văn M đưa 04 người qua sông KL đến nhà H ở BK. Thông qua người có tên là S1 môi giới, H bán bà Q cho một người đàn ông Trung Quốc với giá 1,6 triệu nhân dân tệ; bán bà P cho một người đàn ông Trung Quốc có tên là Ủ D với giá 2,5 vạn nhân dân tệ. H trả cho S1 01 vạn nhân dân tệ; H nhờ bà Trần Thị S mang 01 vạn nhân dân tệ về Thái Bình đưa cho Nguyễn Thị L để trả nợ hộ P, số tiền còn lại H giữ.

Lần thứ tư: Khoảng tháng 5 năm 2015 âm lịch, H thông qua Nguyễn Thị L là em gái của Nguyễn Thị Đ1, L rủ bạn là Lê Thị Thanh H5, sinh năm 1995 ở Khu 05, xã TX, huyện CK, tỉnh Phú Thọ để sang Trung Quốc lấy chồng. H hướng dẫn H5 đi xe ô tô khách ra MC, tỉnh Quảng Ninh và nhờ H3 quê ở Bắc Ninh hiện đang sống ở Trung Quốc đón, đưa H4 đi đò qua sông KL đến nhà H3 ở NN - Trung Quốc, sau đó H bảo Trần Văn M đến nhà H3 đón H4 về nhà H ở. H4 ở nhà H khoảng 20 ngày, H bán H4 cho người đàn ông Trung Quốc được 3,5 vạn nhân dân tệ, H giữ số tiền này.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2018/HSST ngày 20/3/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã tuyên bố các bị cáo Trần Thị H, Trần Văn M phạm tội “Mua bán người”;

Áp dụng điểm d, đ, e khoản 2 điều 150; điểm r, s khoản 1 điều 51; các điều 17, 38, 50 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thị H 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

Áp dụng điểm d, đ, e khoản 2 điều 150; điểm r, s khoản 1 điều 51; các điều 17, 38, 50, 54 Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Trần Văn M 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong đơn kháng cáo ngày 12/4/2018 và đơn kháng cáo bổ sung ngày 19/4/2018, các bị cáo Trần Thị H và Trần Văn M đều thể hiện cho rằng các bị cáo bị oan.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, ý kiến tranh luận của các bị cáo;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH VỀ VỤ ÁN

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như cấp sơ thẩm đã quy kết, tuy nhiên các bị cáo cho rằng hành vi của các bị cáo chỉ là môi giới cho những người phụ nữ Việt Nam có nhu cầu lấy chồng người Trung Quốc chứ không thực hiện hành vi mua bán người. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm cũng phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như ở phiên tòa sơ thẩm, đồng thời cũng phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác như: đơn trình báo, lời khai của những người bị hại là chị Đỗ Thị V, bà Trần Thị Q, chị Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Thị Đ1, chị Lê Thị Thanh H4; lời khai của những người làm chứng là ông Nguyễn Văn Đ3, bà Trần Thị S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Đ2...Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2014 đến tháng 5/2015 âm lịch, lợi dụng vào những người phụ nữ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, muốn lấy chồng Trung Quốc để hy vọng sẽ thay đổi cuộc sống, các bị cáo Trần Thị H, Trần Văn M đã bốn lần đưa 05 người phụ nữ Việt Nam gồm bà Trần Thị Q, Nguyễn Thị P, chị Đỗ Thị V, Nguyễn Thị Đ1 và Lê Thị Thanh H4 vượt biên giới Việt Nam sang Trung Quốc đến nhà Trần Thị H ở ngoại ô thành phố Bắc Kinh. Trần Thị H đã trực tiếp bán 05 người phụ nữ trên cho những người đàn ông Trung Quốc mua về làm vợ và đã thu hưởng lợi tổng số tiền là 14,6 vạn Nhân dân tệ tương đương 496.400.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Trần Thị H và Trần Văn M đã thể hiện rõ việc tuyển mộ, chứa chấp nhiều người phụ nữ khác đưa từ Việt Nam sang, rồi tổ chức cho những người đàn ông Trung Quốc xem mặt, thỏa thuận giá cả, sau đó bán những người này để lấy tiền, do đó cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo đồng phạm về tội “Mua bán người” theo quy định tại các điểm d, đ, e khoản 2 Điều 150 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cũng như Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá, vụ án có tính chất đồng phạm, theo đó xác định, Trần Thị H là người chủ mưu, là người khởi xướng đồng thời cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi bán người, trực tiếp thu tiền và hưởng lợi bất chính nhiều nhất do đó phải xác định bị cáo Trần Thị H giữ vai trò chính. Bị cáo Trần Văn M tiếp nhận ý chí, biết Trần Thị H tổ chức cho những người phụ nữ Việt Nam sang nhà H để ăn, ở, sau đó H móc nối với những người đàn ông Trung Quốc đến để

xem mặt, rồi thỏa thuận bán họ cho người Trung Quốc mua về làm vợ; Trần Văn M thực hiện hành vi rất tích cực giúp H trong việc tiếp nhận, dẫn dắt những người từ Việt Nam sang rồi đưa đến nhà H ở Trung Quốc để H bán cho những người đàn ông Trung Quốc, từ việc làm đó M được H cho tiền chi tiêu; hành vi này của bị cáo Trần Văn M bị Tòa án cấp sơ thẩm xác định là đồng phạm với vai trò là người giúp sức tích cực là có căn cứ.

[3] Về mức hình phạt mà tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo: Theo quy định của Điều 150 của Bộ luật hình sự (tại khoản 2), có mức hình phạt tù từ 08 năm đến 15 năm. Quá trình xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, xác định Trần Thị H phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo Trần Văn M. Đồng thời, bản án sơ thẩm cũng đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, theo đó xác định quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự khai ra những hành vi phạm tội chưa bị phát hiện, do đó các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, thêm nữa Trần Văn M chỉ tham gia với vai trò giúp sức, số tiền hưởng lợi ít hơn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên bị cáo được áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng.

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định mức hình phạt 08 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Trần Thị H, xử phạt 07 năm tù đối với bị cáo Trần Văn M. Về nội dung này, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa khi cho rằng, mức hình phạt này là phù hợp và cần thiết.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hết những hành vi mà cấp sơ thẩm đã quy kết song các bị cáo vẫn cho rằng bị kết án oan với lý do các bị cáo chỉ là những người môi giới vì những người bị hại cũng có nhu cầu sang lấy chồng Trung Quốc. Tuy nhiên, như trên đã nêu, Hội đồng xét xử phúc thẩm khẳng định các bị cáo không oan, đồng thời cũng không thấy có thêm tình tiết nào mới đáng kể thuộc về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt như quyết định của bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, cụ thể:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị H, Trần Văn M phạm tội “Mua bán người”;

1. Áp dụng điểm d, đ, e khoản 2 điều 150; điểm r, s khoản 1 điều 51; các điều 17, 38, 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Trần Thị H 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;**

2. Áp dụng điểm d, đ, e khoản 2 điều 150; điểm r, s khoản 1 điều 51; các điều 17, 38, 50, 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Trần Văn M 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.**

Các bị cáo Trần Thị Hằng và bị cáo Trần Văn M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 1);
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo tại ngoại (theo địa chỉ);
- Lưu HS, Phòng HCTP/2b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng Phúc